

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 7

TUẦN 1 (TỪ 05/09 ĐẾN 10/09)

Period 1: Introduction

Period 2

UNIT 1: FREE TIME

LESSON 1-1 (New words)

I. New words.

1. collect soccer stickers (v) → collection(n)	/kə'lekt/ /'sɒk.ər/ /'stɪk.ərz/ /kə'lek.fən/	sưu tầm nhãn dán bóng đá bộ sưu tập
2. build models (v)	/bɪld/ /'mɒd.əlz/	xây mô hình
3. bake cakes (v)	/beɪk/ /keɪks/	nướng bánh
4. make vlogs (v)	/meɪk/ /vɒlgz/	làm vlog
5. read comics (v)	/ri:d/ /'kɒm.ɪks/	đọc truyện tranh
6. play online games (v)	/pleɪ/ /'ɒn.laɪn/ /geɪmz/	chơi trò chơi trực tuyến
7. blogger (n) → blog (v)	/'blɒg.ər/ /blɒg/	người viết nhật kí trên mạng viết nhật kí trên mạng
8. cute (a)	/kju:t/	đẽ thương
9. together (adv)	/tə'geð.ər/	cùng nhau
10. fashion show (n)	/'fæʃ.ən ʃəʊ/	buổi trình diễn thời trang
11. once (adv)	/wʌns/	1 lần
12. twice (adv)	/twɑɪs/	2 lần
13. three/four/five times		3/4/5....lần
14. hobby (n)	/'hɒb.i/	sở thích
15. film (n/v)	/fɪlm/	bộ phim, quay phim
16. leave a comment (v)	/li:v a 'kɒm.ent/	để lại bình luận

II. Look at the words in the box and write the suitable word for each picture.

collect soccer stickers make vlogs	build models read comics	bake cakes play online games
		
1.	2.	3.
		
4.	5.	6.

III. Fill in the blanks with words or phrases from exercise II.

1. Jenny loves stories with pictures and reads a lot.

→ Her hobby is _____

2. John creates videos and posts them on the internet.

→ His hobby is _____

3. James likes sports. He likes collecting things, too.

→ His hobby is _____

4. Tom likes cooking and he likes making sweet food.

→ His hobby is _____

5. Leo really likes making planes, trains, and boats.

→ His hobby is _____

6. Tina likes using different characters to compete against people on the internet.

→ Her hobby is _____

Period 3

UNIT 1: FREE TIME
LESSON 1-2 (Grammar)

I. Grammar

1. The simple present tense (thì hiện tại đơn) → talk about the habits or things that happens regularly. (nói về thói quen hay những việc xảy ra thường xuyên)

A/ TO BE

- I → am
- He/She/It/Ms Lan/His son/số ít → is
- We/You/They/Lan and Nga/số nhiều → are

Ex:

1. _____ you a good teacher? (be)
2. Minh _____ in his room. (not be)
3. Hoa and I _____ classmates. (be)
4. I _____ twelve. (be)
5. My sisters _____ good at Math. (not be)
6. Where _____ she? (be)

B/ ORDINARY VERBS (ĐỘNG TỪ THƯỜNG)

(+) Khẳng định

- I/ We/ You/ They/ Lan and Nga/ số nhiều + V...
- He/ She/ It/ Ms Lan/ His son/ số ít + Vs/es ...

(-) Phủ định

- I/ We/ You/ They/ Lan and Nga/ số nhiều + don't + V...
- He/ She/ It/ Ms Lan/ His son/ số ít + doesn't + V...

(?) Nghi vấn

- Do + you/ we/ they/ Lan and Nga/ số nhiều + V...? → Yes, S + do. / No, S + don't.
- Does + he/ she/ it/ Ms Lan/ His son / số ít + V...? → Yes, S + does. / No, S + doesn't.

Note:

❖ **Ở thể khẳng định:**

- Nếu chủ ngữ là ngôi 3 số ít (he/she/it/Ms Lan/His son/số ít....) ta thêm “s/es” vào sau động từ.
 - Động từ tận cùng bằng: s, x, sh, ch, o → thêm “es”
 - Các động từ khác : thêm “s”
 - have → has
 - Các chủ ngữ còn lại (I/ We/ You/ They/ Lan and Nga/ số nhiều.....) → giữ nguyên động từ.
- (V)

❖ Ở thể phủ định và nghi vấn → mượn trợ động từ “do/does” → khi đó động từ ở dạng nguyên mẫu.

- I/ We/ You/ They/ Lan and Nga/ số nhiều→ mượn trợ động từ “do”
- He/ She/ It/ Ms Lan/ His son/ số ít.....→ mượn trợ động từ “does”

Ex:

1. I _____ up at 6 o'clock. (get)
2. Nga _____ up at 6 o'clock. (get)
3. He _____ his face. (wash)
4. They _____ their faces. (wash)
5. We _____ up at 6 o'clock. (not get)
6. Her mother _____ up at 6 o'clock. (not get)
7. She _____ his face. (not wash)
8. Huy and Nga _____ their faces. (not wash)
9. _____ you _____ up at 6 o'clock? (get)→Yes, _____. /No, _____.
10. _____ Nga _____ up at 6 o'clock? (get)→Yes, _____. /No, _____.
11. _____ he _____ his face? (wash)→Yes, _____. /No, _____.
12. _____ they _____ their faces? (wash)→Yes, _____. /No, _____.

2. Hỏi xem ai đó làm gì vào thời gian rảnh

What + do + you/ they + do + in your/ their free time?

→ I/ They + V.....

What + does + he/ she + do + in his/ her free time?

→ He/ She + Vs/es.....

Ex:

- **You /do the shopping**

What do **you** do in **your** free time? →I do the shopping.

- **Lan /play volleyball**

What does **Lan** do in **her** free time? →She plays volleyball.

3. Hỏi xem ai có thường làm 1 việc gì

How often + do/does + S + V.....?

→S + V/Vs/es.....+ số lần.

→S + always/often/usually/sometimes/never + V/Vs/es.....

Ex:

- You/ listen to music/ twice a week

→ **How often** do you listen to music? → I listen to music **twice a week**.

- He/ go fishing / sometimes

→ **How often** does he go fishing? → He **sometimes** goes fishing.

II. Fill in the blanks with the correct form of the verbs.

1. I (**do**) _____ many activities in my time.
2. The English club in my school (**provide**) _____ a lot of interesting activities.
3. My children (**study**) _____ and (**live**) _____ at a boarding school.
4. John (**listen**) _____ to music in his free time.
5. My friends often (**play**) _____ online games together on the weekends.
6. My brother (not **like**) _____ building models.
7. _____ Lisa and Molly (**read**) _____ comics every night?
8. _____ you (**bake**) _____ cakes on the weekends?
9. Peter (**not make**) _____ vlogs about his garden.
10. _____ Jenny (**watch**) _____ fashion shows in her free time?

MÔN MỸ THUẬT LỚP 7
(Từ ngày 05/09/2022 đến ngày 17/09/2022)

CHỦ ĐỀ 1: CHỮ CÁCH ĐIỀU TRONG ĐỜI SỐNG
BÀI 1: NHỊP ĐIỀU VÀ MÀU SẮC CỦA CHỮ (2 tiết)

1/ KHÁM PHÁ MỘT SỐ HÌNH THỨC TẠO HÌNH TỪ NHỮNG CHỮ CÁI:

Tham khảo SGK Mỹ thuật 7 - Chân trời sáng tạo.

2/ CÁCH TẠO BỐ CỤC BẰNG NHỮNG CHỮ CÁI: (HS ghi nội dung này vào tập)

- Lựa chọn kiểu chữ và chữ cái sẽ sử dụng.
- Phác khung hình cho các chữ.
- Vẽ chữ để tạo mảng hình giữa các chữ.
- Vẽ màu hoàn thiện bố cục.

3/ VẼ BỐ CỤC TRANG TRÍ BẰNG NHỮNG CHỮ CÁI: (HS ghi nội dung này vào tập)

- Lựa chọn kiểu chữ và những chữ cái phù hợp với ý tưởng bài vẽ.
- Xác định khuôn khổ của bài vẽ.
- Thực hiện bài vẽ theo hướng dẫn.

4/ TRƯNG BÀY SẢN PHẨM VÀ CHIA SẺ:

Tham khảo SGK Mỹ thuật 7 - Chân trời sáng tạo.

5/ TÌM HIỂU NHỮNG ỨNG DỤNG CỦA CHỮ TRONG ĐỜI SỐNG: (HS ghi nội dung này vào tập) .

Ngoài chức năng truyền tải thông tin, chữ còn có nhiều kiểu dáng phong phú, được sử dụng trong mỹ thuật ứng dụng, là điểm nhấn thu hút thị giác, làm tăng giá trị thẩm mỹ cho sản phẩm.

Mọi thắc mắc PHHS và HS liên hệ: -GVBM Ka Hoàng Phương Thảo 0979410097
-GVBM Bùi Hoàng Phương 0383871263

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ ÂM NHẠC – MỸ THUẬT

MÔN ÂM NHẠC - KHỐI 7

(Từ ngày 5/9/2022 đến ngày 10/9/2022)

Chủ đề 1: “VUI MÙA KHAI TRƯỜNG”

Tiết 1: Học hát “VUI ĐẾN TRƯỜNG”

A. LÝ THUYẾT

I. Giới thiệu bài:

- Giới thiệu nhạc sĩ Lê Quốc Thắng *(HS có thể tìm thêm tư liệu trên internet)*

Họ và tên : Lê Quốc Thắng

Sinh ngày : 1962

Nguyên quán : Sài Gòn, Việt Nam



Tốt nghiệp Đại học Luật ngành Tư pháp; Đại học Âm nhạc ngành Sáng tác.

Hiện tại ông là hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội Âm nhạc TP. Hồ Chí Minh, Hội Luật gia TP.HCM.

Ngoài ra ông cũng là Giám đốc Trung tâm băng nhạc Trùng Dương Audio, Trưởng ban Kiểm tra - Ủy viên BCH Hội Âm nhạc TP. HCM, Chỉ huy trưởng Chi hội 5

II. Học hát

- Tìm hiểu bài hát: nhịp, kí hiệu âm nhạc.
- Bài hát được chia 2 đoạn
- Nội dung bài: Với tiết tấu rộn ràng, giai điệu vui tươi, lời ca trong sáng, bài hát thể hiện niềm hân hoan của các em học sinh khi tới trường.

B. BÀI TẬP

- Hát kết hợp vận động theo nhạc với động tác phù hợp nội dung, tính chất bài hát.
- Chép TĐN số 1, chuẩn bị bài mới.
- Tìm hiểu thêm về các bài hát của nhạc sĩ Lê Quốc Thắng.



HÁT

VUI ĐẾN TRƯỜNG

Vui tươi, hồn nhiên

Nhạc và lời: Lê Quốc Thắng

Vui đến trường lòng rộn ràng như hoa nở. Hương thơm ngọt
ngào từng góc phố thân quen. Nụ hoa xinh tươi trong từng chiếc lá
nhỏ. Như lời thầy cho em những ước mơ. Cây xanh
xanh trong nắng ấm ban mai. Bước chân nhẹ em vui đi đến
trường. Chim reo vang bao khúc hát líu lo. Dưới mái
trường là khoảng trời thân thương. La la la la la la la la
la la la la la la la la la la. La la la
la. Dưới mái trường là khoảng trời thân thương.

Tìm hiểu bài hát

Ca khúc *Vui đến trường* có cấu trúc hai đoạn nhạc, đoạn 1 từ “*Vui đến trường...*” đến “*...cho em những ước mơ...*”, đoạn 2 từ “*Cây xanh xanh...*” đến “*...khoảng trời thân thương...*”; từ “*La la la...*” đến hết là đoạn 2 được nhắc lại có thay đổi. Với tiết tấu rộn ràng, giai điệu vui tươi, lời ca trong sáng, bài hát thể hiện niềm hân hoan của các em học sinh khi tới trường.

- Nghe bài hát và nêu cảm nhận của em.
- Hát bài *Vui đến trường* với tính chất vui tươi, hồn nhiên.
- Hát kết hợp vận động theo nhạc.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Huyền Trang SĐT: 0979838830

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN, KHỐI 7
TUẦN 1 (05/9- 10/9/2022)

Bài 1:
TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT
(Thơ bốn chữ, năm chữ)

Tuần 1 - Tiết 1

TRI THỨC NGŨ VĂN

I. Tìm hiểu tri thức đọc hiểu:

1. Thơ bốn chữ, năm chữ

- + *Thơ bốn chữ* là thể thơ mỗi dòng có bốn chữ, thường có nhịp 2/2.
- + *Thơ năm chữ* là thể thơ mỗi dòng có năm chữ, thường có nhịp 3/2 hoặc 2/3.
- + Thơ bốn chữ, năm chữ không hạn chế về số lượng dòng thơ trong một khổ thơ, số khổ số khổ thơ trong một bài thơ và thường được sử dụng đan xen vần chân với vần lưng.

2. Hình ảnh trong thơ: Là những chi tiết, cảnh tượng từ thực tế đời sống, được tái hiện bằng ngôn ngữ thơ ca, góp phần diễn tả cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ về thế giới và con người.

3. Vần và vai trò của vần trong thơ:

- *Vần chân*: Là vần được gieo vào cuối dòng thơ, nghĩa là các tiếng ở cuối dòng vần với nhau. Vần chân là hình thức gieo vần phổ biến nhất trong thơ.

-*Vần lưng*: Là vần được gieo ở giữa dòng thơ, nghĩa là tiếng cuối của dòng trên vần với một tiếng nằm ở giữa dòng dưới hoặc các tiếng trong cùng một dòng thơ hiệp vần với nhau.

* *Vai trò của vần trong thơ*: Vần có vai trò liên kết các dòng và câu thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhạc điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ, đồng thời làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc.

4. Nhịp thơ và vai trò của nhịp trong thơ:

- Nhịp thơ được biểu hiện ở chỗ ngắt chia dòng và câu thơ thành từng vế hoặc ở cách xuống dòng (ngắt dòng) đều đặn cuối mỗi dòng thơ.

- Nhịp có tác dụng tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần biểu đạt nội dung thơ.

5. Thông điệp:

-Thông điệp (*của văn bản*) là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học, cách ứng xử mà văn bản muốn truyền đến người đọc.

Bài 1:

TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT

Tuần 1-Tiết 2

Văn bản 1: LỜI CỦA CÂY

- Trần Hữu Thung -

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Đọc, chú thích: Xem SGK/Tr13,14

2. Tác giả: Trần Hữu Thung (1923-1999), quê ở Nghệ An. Ông là một nhà thơ dân gian, thơ ông thể hiện sự mộc mạc, dân dã, chân chất, hồn nhiên của người dân quê.

3. Tác phẩm:

- *Thể loại*: Thơ bốn chữ

- *Phương thức biểu đạt*: biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự
- *Bố cục*: 2 phần
- + Phần 1 (5 khổ thơ đầu-lời của tác giả): Quá trình phát triển thành cây của hạt mầm
- + Phần 2 (khổ cuối- lời của cây): Lời giới thiệu của cây

II. Suy ngẫm và phản hồi:

1. Lời của cây			
Giai đoạn	Hình ảnh thơ	Tích	Nhận xét
Khi là hạt	- Nằm lặng thình		→ Nghệ thuật: - Nhân hóa, miêu tả, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác → Nội dung: - Tái hiện quá trình hình thành của cây từ khi còn là hạt. - Cây góp phần tạo nên màu xanh đầy hi vọng cho thiên nhiên, cho cuộc đời.
Khi là mầm	- Nhú lên giọt sữa		
	- Đã thì thầm		
	- Nghe bàn tay vỗ, tiếng ru hời		
	- Kiêng gió bắc, mưa giông		
	- Mở mắt, đón tia nắng hồng		
Khi là cây	- Nở vài lá bé		
	- Màu xanh bắt đầu bập bẹ:		
	+ Cây là tôi. + Mai sẽ lớn, góp xanh cho đời.		

2. Cảm xúc của tác giả dành cho những mầm cây:

- Ghé tai nghe rõ
- Nghe mầm mở mắt
- Nghe mầm xanh bắt đầu bập bẹ

→ **Nghệ thuật**: điệp từ “nghe”

→ **Nội dung**: mối quan hệ gắn bó, thân thiết và tình cảm yêu quý, nâng niu, trân trọng của tác giả dành cho cây.

3. Biện pháp tu từ:

Các biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong văn bản là: nhân hóa, điệp ngữ

- Nhân hóa: Hạt nằm lặng thình, mầm đã thì thầm, mầm kiêng gió bắc, đón tia nắng hồng, bập bẹ

-> **Tác dụng**: Làm cho hạt mầm trở nên sinh động, có hồn; giúp nó trở nên gần gũi, thân thuộc và có thể biểu hiện được những suy nghĩ hay bày tỏ được tình cảm của con người.

- Điệp từ “nghe” lặp lại 4 lần

-> **Tác dụng:** nhấn mạnh mối quan hệ gắn bó, mật thiết giữa nhân vật tôi và hạt mầm. Lắng nghe từng biến chuyển nhỏ nhất của hạt mầm từ đó cho thấy mầm cũng có sức sống, có linh hồn riêng.

4. Nhận xét về vần, nhịp

- *Cách gieo vần chân:* mình-thinh; mầm-thâm; giông-hồng;...

→ làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc, tạo nên sự kết dính cho văn bản thơ, đồng thời tạo sức âm vang cho những “lời của cây” trong tâm hồn người đọc

- *Ngắt nhịp*

+ Bài thơ chủ yếu ngắt nhịp chẵn 2/2 → Tạo nên nhịp điệu đều đặn như nhịp đưa nôi, vừa cho thấy sự êm đềm của đời sống cây xanh, vừa thể hiện cảm xúc yêu thương trìu mến của tác giả

+ Trường hợp nhịp lẻ 1/3 “Rằng các bạn ơi”

→ Nhấn mạnh khao khát của cây khi muốn được con người hiểu và giao cảm

5. Chủ đề, thông điệp của bài thơ

- *Chủ đề:* Bài thơ thể hiện tình yêu thương, trân trọng những mầm xanh thiên nhiên

-*Thông điệp:* Hãy lắng nghe lời của cỏ cây loài vật để biết yêu thương, nâng đỡ sự sống ngay từ khi sự sống ấy mới là những mầm sống; mỗi con người, sự vật, dù là nhỏ bé, đều góp phần tạo nên sự sống như hạt mầm góp màu xanh cho đất trời.

III. Tổng kết:

1. Nội dung: - Bài thơ thể hiện tình yêu thương, trân trọng những mầm xanh thiên nhiên. Qua đó, tác giả muốn gửi thông điệp đến người đọc:

+ Hãy lắng nghe lời của cỏ cây loài vật để biết yêu thương, nâng đỡ sự sống ngay từ khi sự sống mới là những mầm non.

+ Mỗi con người, sự vật, dù là nhỏ bé, đều góp phần tạo nên sự sống như hạt mầm góp màu xanh cho đất trời.

2. Nghệ thuật: Thể thơ bốn chữ, lối viết giản dị, gần gũi, bài thơ ghi lại một cách sinh động quá trình hạt phát triển thành cây với nhiều biện pháp tu từ ẩn dụ, nhân hóa, từ láy gợi hình

PHT số 1







*Sơ đồ quá
trình sinh
trưởng của
cây*







Bài 1:
TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT

Tuần 1-Tiết 3-4

Văn bản 2: SANG THU

-Hữu Thỉnh-

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Đọc, chú thích: Xem SGK/Tr15,16

2. Tác giả: Tên thật Nguyễn Hữu Thỉnh sinh 1942, quê ở Vĩnh Phúc

- Ông tham gia quân đội và bắt đầu sáng tác thơ từ năm 1963
- Thơ ông thường có những liên tưởng độc đáo thể hiện những suy tưởng giàu chất nhân văn và cái nhìn mang màu sắc triết lí về cuộc sống

3. Tác phẩm: Bài thơ “Sang thu” được sáng tác vào năm 1977

- Thể thơ: Năm chữ
- PTBD chính: biểu cảm
- Bố cục: 3 phần
- + Khổ 1: Tín hiệu giao mùa;
- + Khổ 2: Sự chuyển biến của đất trời vào thu;
- + Khổ 3: Sang thu – suy ngẫm và triết lí về cuộc sống

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Tín hiệu giao mùa

a. Nhan đề : “Sang thu” khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu.

Nghệ thuật: Đảo ngữ => nhấn mạnh sự vận động chuyển biến của đất trời cũng như sự vận động của cảm xúc con người trong phút giao mùa.

b. Tín hiệu báo thu sang:

- + Hương ổi:
- + Gió se: ngọn gió heo may lành lạnh đủ để dậy cảm xúc trong ta khiến ta có cảm thấy lâng lâng, dễ chịu trước khoảnh khắc giao mùa

+ Sương chùng chình qua ngõ -> *những hạt sương thu mềm mại, won ướt giăng màn qua ngõ*

- *Nghệ thuật:*

+ Từ láy tượng hình: *chùng chình* -> cố ý chậm lại

+ Nhân hóa: *sương chùng chình* -> *Sương giăng mắc nhẹ nhàng, chuyển động chậm chậm nơi đường thôn ngõ xóm, ngập ngừng, lưu luyến, bịn rịn như có tâm hồn.*

c. Cảm xúc của tác giả:

+ *Bỗng*: sự ngỡ ngàng, nhạc nhiên, bất ngờ khi phát hiện ra những tín hiệu giao mùa.

+ *Hình như*: phỏng đoán bằng cảm giác, như một lời tự vấn, gợi thoáng băng khuâng, bồi rối của tác giả.

=> *Cảm xúc ngỡ ngàng, băng khuâng, xao xuyến của nhà thơ trước sự biến chuyển cảnh vật trong khoảnh khắc giao mùa.*

2. Sự biến đổi của đất trời:

- Hình ảnh thiên nhiên:

+ Sông dềnh dàng

+ Chim vội vã

+ Đám mây mùa hạ vắt nửa mình sang thu -> ranh giới cụ thể giữa hạ và thu

-> Từ láy *dềnh dàng*, *vội vã* -> sự chuyển mình của thiên nhiên tạo vật từ hạ sang thu

+ Nắng vẫn còn nhưng đã nhạt dần

+ Mưa cũng vui và ít dần

+ Sấm cũng bớt bất ngờ

+ Hàng cây cổ thụ không còn giật mình bởi những tiếng sấm

-> Thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa đang chuyển mình, biến đổi chậm dần chứ không vội vã.

***Nghệ thuật:** ẩn dụ

+ Sấm: chỉ cái bất thường của ngoại cảnh

+ Hàng cây đứng tuổi: những con người lớn tuổi, từng trải.

=> Hai câu thơ không còn chỉ tả cảnh sang thu mà đã chất chứa suy nghiệm về con người và cuộc đời

3. Cách ngắt nhịp, gieo vần

- Ngắt nhịp: Nhịp thơ linh hoạt 3/2, 2/3-> Góp phần thể hiện chút xao xuyến, băng khuâng của nhà thơ khi bất chợt nhận ra sự chuyển động mơ hồ của thiên nhiên từ hạ sang thu

- Gieo vần: Gieo vần chủ yếu là vần chân (se-về, vĩa-hạ) -> Tạo sự liên kết giữa các dòng thơ, câu thơ và tạo nhạc điệu cho bài thơ.

4. Chủ đề, thông điệp:

- **Chủ đề:** Qua việc miêu tả sự chuyển mình của đất trời từ cuối mùa hạ sang thu, bài thơ thể hiện cảm nhận tinh tế của tác giả thiên nhiên, những suy ngẫm về bước đi của thời gian

- **Thông điệp:** Cần biết lắng nghe, cảm nhận thiên nhiên bằng tất cả các giác quan để đón nhận những món quà vô giá thiên nhiên.

Ý thức hơn về lẽ sống, thêm yêu và trân trọng những vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

III. Tổng kết:

1. Nội dung:

Bài thơ *Sang thu* là cảm nhận tinh tế của nhà thơ Hữu Thỉnh về cảnh đất trời sang thu có những biến chuyển nhẹ nhàng và rõ rệt. Đồng thời thể hiện lòng yêu thiên nhiên tha thiết và suy ngẫm của nhà

2. Nghệ thuật:

Bài thơ viết theo thể thơ năm chữ, sử dụng rất nhiều những hình ảnh sinh động hấp dẫn, cảnh tượng được miêu tả tự nhiên chân thực, ngôn ngữ thơ trong sáng, giản dị, gợi nhiều cảm xúc

HỌC TẬP SỐ 1

Nội dung câu hỏi	Dự kiến sản phẩm
Những đặc điểm của thể thơ năm chữ được thể hiện trong bài thơ.	
Những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong bài thơ.	
Tâm trạng, cảm xúc của tác giả trong bài thơ.	

Tuần 1 từ 5/9 đến 10/9/2022

CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU VỀ TRỒNG TRỌT

TIẾT 1, BÀI 1: NGHỀ TRỒNG TRỌT Ở VIỆT NAM

I/ VAI TRÒ, TRIỂN VỌNG CỦA TRỒNG TRỌT Ở VIỆT NAM

1/ Vai trò của trồng trọt ở Việt Nam

- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người: gạo, ngô, khoai...
- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp: mía, cà phê...
- Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi: ngô, khoai, rau..
- Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu: gạo, cà phê, chè...
- Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.
- Tạo môi trường sống trong lành cho con người.

2/ Triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam

Phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, tạo các vùng canh tác đạt chuẩn để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

II/ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

1/ Đặc điểm cơ bản của các nghề trong lĩnh vực trồng trọt

Nhà trồng trọt, nhà nuôi cấy mô thực vật, nhà bệnh học thực vật, nhà tư vấn làm vườn, kĩ thuật viên trồng trọt...

2/ Yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt

- Có kiến thức, kĩ năng về trồng trọt và chăm sóc cây trồng
 - Có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, đủ sức khỏe đáp ứng công việc trồng trọt.
-

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ: KHTN

MÔN KHTN – KHỐI 7

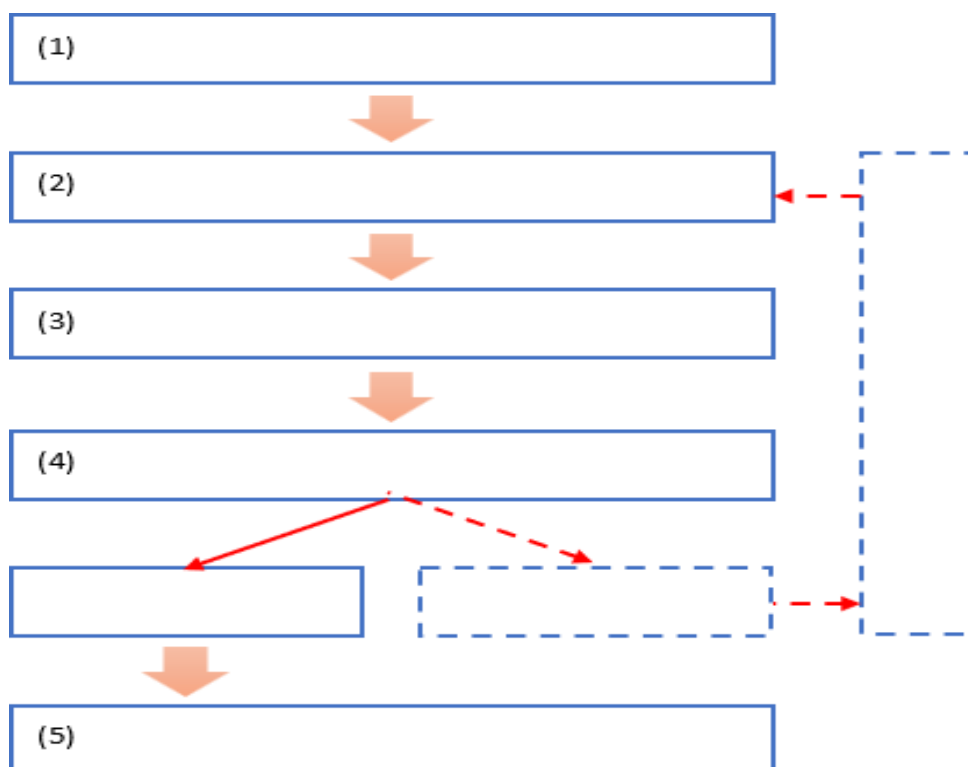
(Từ ngày 05/9/2022 đến ngày 10/9/2022)

BÀI 1: PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ NĂNG HỌC TẬP MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

A. LÝ THUYẾT

I. PHƯƠNG PHÁP TÌM HIỂU TỰ NHIÊN

Các bước tìm hiểu tự nhiên:



Sơ đồ các bước phương pháp tìm hiểu tự nhiên

II. KĨ NĂNG HỌC TẬP MÔN KHTN

Để học tập tốt môn KHTN, chúng ta cần thực hiện và rèn luyện một số kĩ năng:

1.
2.
3.
4.
5.
6.
7.

III. MỘT SỐ DỤNG CỤ ĐO

- Dao động kí có thể hiển thị đồ thị của tín hiệu điện theo thời gian (giúp chúng ta biết được dạng đồ thị của tín hiệu theo thời gian).
- Đồng hồ đo thời gian hiện số dùng công quang điện có thể tự động đo thời gian.

B. BÀI TẬP VẬN DỤNG

Bài 1: Phương pháp tìm hiểu tự nhiên được thực hiện qua các bước:

- (1) Hình thành giả thuyết.
- (2) Rút ra kết luận.
- (3) Lập kế hoạch kiểm tra giả thuyết.
- (4) Quan sát và đặt câu hỏi nghiên cứu.
- (5) Thực hiện kế hoạch.

Em hãy sắp xếp các bước trên cho đúng thứ tự của phương pháp tìm hiểu tự nhiên.

Trả lời:

Bài 2: Để học tập tốt môn Khoa học tự nhiên, chúng ta cần thực hiện và rèn luyện các kỹ năng nào?

.....
.....
.....
.....

Bài 3: Theo em, học sinh cần thực hiện các kỹ năng nào để tìm hiểu sự **giống** và **khác** nhau về cách nảy mầm của hạt đậu xanh và đậu đen?



.....
.....
.....

Bài 4

GHÉP CỘT A VỚI CỘT B

CỘT A

1. Không khí là một hỗn hợp các chất khí, trong đó
2. Kết hợp các loại lương thực, thực phẩm phù hợp với lứa tuổi, giới tính
3. Ánh sáng của Mặt Trăng có được là do

CỘT B

- A. sẽ cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng cho cơ thể nhằm phát triển khoẻ mạnh.
- B. phản xạ ánh sáng từ Mặt Trời.
- C. bao gồm 78% khí nitrogen, 21% khí oxygen và 1% các khí khác.



Trả lời:

1 -

2 -

3 -

Việc kết nối thông tin thể hiện kỹ năng gì trong các kỹ năng học tập môn Khoa học tự nhiên?

.....

.....

.....

DẶN DÒ

- Học sinh dựa vào Sách KHTN7 tìm hiểu các thông tin, điền nội dung thích hợp vào Mục I và II.

- Hoàn thành các nội dung Bài tập vận dụng.

* Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ:

- Cô Tâm: 0975375268

- Cô Oanh: 0374560523

- Thầy Tâm: 0779442859

- Cô Tuyết: 0389097016

- Cô Tiểu Y: 0389928322

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ: LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ KHỐI 7

(Từ ngày 5/9/2021 đến 10/9/2021)

Chương 1: TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU TK XVI

Bài 1: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TÂY ÂU (tiết 1; 2)

1. Quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.

- Nửa cuối thế kỉ V, các tộc người Giéc-man tiêu diệt đế quốc Rô-ma, thành lập nhiều vương quốc mới.
- Xã hội chia làm 2 giai cấp:
 - + Lãnh chúa phong kiến:
 - + Nông nô.

=> Thế kỉ IX xã hội phong kiến ở Tây Âu đã hình thành.

2. Lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến ở Tây Âu.

a. Lãnh địa phong kiến.

- **Khái niệm:** là khu đất rộng, trở thành vùng đất riêng của lãnh chúa- được cha truyền con nối.
- **Tổ chức:** Bao gồm đất đai, lâu đài, thành quách, có quân đội và luật lệ riêng... của lãnh chúa.
- **Đặc trưng cơ bản của lãnh địa:** là đơn vị Kinh tế, chính trị độc lập, mang tính tự cung tự cấp, khép kín. Trong đó nông nghiệp đóng vai trò chủ yếu.

b. Quan hệ xã hội:

- Lãnh chúa bóc lột sức lao động của nông nô.
- Nông nô là lực lượng sản xuất chính. Nhận ruộng đất của lãnh chúa để sản xuất và nộp tô thuế nên phụ thuộc vào lãnh chúa.

PHIẾU HỌC TẬP:

I. Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:

Câu 1: Người Giéc-man chiếm ruộng đất của chủ nô Rô-ma cũ chia cho thành phần nào nhiều nhất?

- A. Dòng tộc của mình
- B. Tướng lĩnh quân sự và quý tộc
- C. Phân đều cho mọi người
- D. Những người thân trong gia đình

Câu 2: Các quốc gia cổ đại phương Tây tồn tại đến thời gian nào thì bị bộ tộc Giéc - man tràn xuống xâm chiếm ?

- A. Cuối thế kỉ IV
- B. Đầu thế kỉ V
- C. Cuối thế kỉ V
- D. Đầu thế kỉ IV

Câu 3: Hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến châu Âu là:

- A. Địa chủ và nông dân
- B. Chủ nô và nô lệ
- C. Lãnh chúa và nông nô
- D. Tư sản và nông dân

Câu 5: Vương quốc Phơ-răng sau này phát triển thành nước nào?

- A. Anh.
- B. Pháp.
- C. Tây Ban Nha.
- D. I-ta-li-a

Câu 6: Nước Anh trước đây gọi là Vương quốc gì?

- A. Ăng-glô Xắc-xông.
- B. Tây Gôt.
- C. Đông Gôt.
- D. Phơ-răng.

CHƯƠNG 1: CHÂU ÂU
Bài 1
THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU (Tiết 1)

1. Vị trí, hình dạng, kích thước

- Diện tích khá nhỏ: 10,5 triệu km² (chỉ lớn hơn châu Đại Dương).
- Thuộc lục địa: Á – Âu.
- Vĩ độ: 36⁰B đến 71⁰B
- Ba mặt giáp biển và đại dương.
- Ranh giới với châu Á: dãy U-ran.
- Đường bờ biển bị cắt xẻ mạnh, ăn sâu vào đất liền.

2. Đặc điểm tự nhiên của châu Âu

a. Địa hình

- 2 khu vực địa hình: đồng bằng và miền núi.
- Khu vực đồng bằng: chiếm 2/3 diện tích châu lục gồm đồng bằng Bắc Âu, đồng bằng Bắc Âu, đồng bằng Đông Âu, các đồng bằng trung lưu, hạ lưu Đa-nuyp,...
- Khu vực miền núi bao gồm:
 - + Địa hình núi già phân bố ở phía Bắc và trung tâm châu lục gồm dãy Xcan-đi-na-vi, U-ran,...Phần lớn các dãy núi có độ cao trung bình và thấp.
 - + Địa hình núi trẻ phân bố chủ yếu ở phía Nam, chiếm 1,5% diện tích lãnh thổ, gồm dãy An-pơ, Ban-căng,... Phần lớn các núi có độ cao trung bình dưới 2 000m.

PHIẾU HỌC TẬP:

Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:

Câu 1. Nhận định nào sau đây đúng?

- A. Châu Âu có diện tích nhỏ thứ ba thế giới.
- B. Châu Âu có diện tích lớn thứ hai thế giới.
- C. Châu Âu có diện tích nhỏ, chỉ lớn hơn châu Đại Dương.
- D. Châu Âu có diện tích nhỏ, chỉ lớn hơn châu Nam Cực.

Câu 2. Đới khí hậu chiếm diện tích lớn nhất ở châu Âu là

- A. cực và cận cực.
- B. ôn đới.
- C. cận nhiệt.
- D. nhiệt đới.

Câu 3. Phía nam châu Âu có đới thiên nhiên

- A. đài nguyên.
- B. rừng lá rộng.
- C. rừng lá kim.
- D. rừng lá cứng Địa Trung Hải.

Câu 4. Ranh giới tự nhiên phía đông ngăn cách giữa châu Âu và châu Á là

- A. dãy U-ran.
- B. dãy Các-pát.
- C. dãy An-ơ.
- D. dãy Ban-căng.

Câu 5. Khu vực địa hình nào chiếm diện tích chủ yếu ở châu Âu?

- A. Đồng bằng
- B. Miền núi
- C. Núi già
- D. Núi trẻ

Trường THCS Phan Công Hớn

Tổ: GDCD

Tuần 1,2 - Môn: GDCD – Khối: 7

(Thực hiện từ ngày 5/9/2022 đến 17/9/2022)

A. GIÁO VIÊN GIAO VIỆC:

1. Em hãy cho biết những câu ca dao dưới đây thể hiện truyền thống nào của dân tộc Việt Nam?

- Chảnh thơm cũng thể hoa nhài
Dầu không thanh lịch cũng người Tràng An.
- Ai về Bình Định mà coi
Con gái Bình Định cầm roi đi quyền.

2. Em hãy đọc các thông tin trong sgk trang 5, 6 và trả lời các câu hỏi sau.

- Em hãy cho biết địa danh trong thông tin gắn với truyền thống nào?
- Ngoài truyền thống đó, còn truyền thống nào của quê hương mà em biết?

3. Em hãy quan sát các bức tranh sau đây và thực hiện các yêu cầu sau.

- Cho biết các bạn trong những bức tranh trên đã làm gì để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương.
- Dựa vào các bức tranh chia sẻ suy nghĩ của em về một truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm ở địa phương.
- Nêu những việc em đã làm để giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương

B. LÝ THUYẾT:

Bài1: TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG (2 TIẾT)

I. MỞ ĐẦU:

II. KHÁM PHÁ:

1. Khái niệm

- Truyền thống quê hương là những giá trị vật chất, tinh thần mà người dân ở một vùng đất cụ thể tạo ra và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Truyền thống quê hương được thể hiện ở truyền thống: văn hoá, yêu nước, chống giặc ngoại xâm, đoàn kết, cần cù lao động....

2. Để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương, chúng ta cần:

Tìm hiểu về giá trị của truyền thống; bảo vệ và phát huy giá trị tốt đẹp từ truyền thống; tích cực quảng bá, giới thiệu với bạn bè trong và ngoài nước.... Đồng thời, cần phê phán việc làm, hành động thiếu ý thức trách nhiệm, đi ngược lại truyền thống tốt đẹp của quê hương, làm ảnh hưởng đến hình ảnh, giá trị của cộng đồng.

III. LUYỆN TẬP : Xử lý tình huống trong sgk trang 9,10

IV. VẬN DỤNG:

1. Em hãy làm một tập san gồm các hình ảnh, nhân vật, câu chuyện về truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.
2. Em hãy làm việc theo nhóm để lập dự án tuyên truyền về những truyền thống tốt đẹp của quê hương em.

(Mọi thắc mắc xin liên hệ với cô Nguyễn Dung SĐT: 0976 208 153)

MÔN TIN HỌC – KHỐI 7

(Tuần 1: Từ ngày 05.9.2022 – 10.9.2022)

❖ LÝ THUYẾT

(*Các em học sinh ghi vào vở Tin học lý thuyết)

CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

BÀI 1:

THIẾT BỊ VÀO – RA CƠ BẢN CHO MÁY TÍNH CÁ NHÂN

1. Thiết bị vào – ra cơ bản cho máy tính để bàn

-Máy tính để bàn là một bộ gồm: hộp thân máy, màn hình, bàn phím và chuột.



Hình 1. Các thành phần cơ bản của máy tính

-Những thành phần quan trọng nhất của máy tính là bộ xử lý trung tâm, bộ nhớ trong và ổ đĩa cứng (bộ nhớ ngoài), nhưng con người cũng không thể sử dụng máy tính nếu thiếu các thiết bị vào – ra cơ bản.

2. Thiết bị vào – ra cơ bản cho máy tính xách tay

- Toàn bộ hộp thân máy, màn hình, bàn phím và chuột của máy tính xách tay được tích hợp chung thành một khối, đảm nhiệm đầy đủ các chức năng của thiết bị vào-ra và bộ phận xử lý thông tin.

- Tấm chạm thay cho chuột. Máy tính xách tay thường có sẵn loa, micro và camera.

- Hiện nay máy tính xách tay thường có khả năng nhận thông tin vào và xuất thông tin ra dưới dạng hình ảnh, âm thanh.

3. Thiết bị vào – ra cơ bản cho máy tính bảng và điện thoại thông minh

- Máy tính bảng và điện thoại thông minh dùng màn hình chạm (touch screen) hay còn gọi là màn hình cảm ứng.

- Màn hình cảm ứng xuất hiện bàn phím ảo khi cần nhập dữ liệu; cho phép chạm ngón tay để điều khiển máy tính thay thế chuột.

- Màn hình cảm ứng vừa là thiết bị vào vừa là thiết bị ra.

❖ PHIẾU HỌC TẬP

Trả lời các câu hỏi sau:

Bài 1. Một bộ máy tính gồm có những thành phần cơ bản nào?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Bàn phím ảo thường có ở những thiết bị số nào?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Máy tính xách tay dùng bộ phận nào thay thế chuột máy tính?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Bố mẹ định thưởng máy tính cho em làm phương tiện học tập. Em sẽ chọn loại máy tính nào? Tại sao?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5. Hộp thân máy chứa những thành phần quan trọng nào của máy tính?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6. Các thiết bị vào – ra cơ bản của máy tính là gì?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7. Thiết bị nào vừa là thiết bị vào vừa là thiết bị ra cho máy tính?

.....

.....

.....

.....

.....

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

- | | | |
|------------|---|------------------|
| 1. Cô Thủy | → | Zalo: 0908962965 |
| 2. Cô Hà | → | Zalo: 0908281062 |
| 3. Cô Ý | → | Zalo: 0786771441 |

Bài 1. Tập hợp các số hữu tỉ

1. Số hữu tỉ

Số hữu tỉ là số viết được dưới dạng phân số $\frac{a}{b}$ ($a, b \in \mathbb{Z}; b \neq 0$)

Tập hợp các số hữu tỉ được kí hiệu là $\mathbb{Q}$.

Chú ý:

- + Các số thập phân đã biết đều là các số hữu tỉ. Các số nguyên, hỗn số cũng là các số hữu tỉ
- + Các phân số bằng nhau là các cách viết khác nhau của cùng một số hữu tỉ

Thực hành 1 trang 6 SGK

Các số $-0,33$; 0 ; $3\frac{1}{2}$; $0,25$ đều là các số hữu tỉ vì chúng đều viết được dưới dạng phân số: $-0,33 = -\frac{33}{100}$; $0 = \frac{0}{1}$; $3\frac{1}{2} = \frac{7}{2}$; $0,25 = \frac{1}{4}$

2. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ

- Với hai số hữu tỉ bất kì x, y ta luôn có: hoặc $x = y$ hoặc $x < y$ hoặc $x > y$.
- Số hữu tỉ lớn hơn 0 gọi là số *hữu tỉ dương*.

Số hữu tỉ bé hơn 0 gọi là số *hữu tỉ âm*.

Số hữu tỉ 0 không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm.

Thực hành 2 trang 7 SGK

a) So sánh $\frac{-7}{12}$ và $-3,75$; $\frac{0}{-3}$ với $\frac{4}{5}$

$$-3,75 = -\frac{15}{4} = -\frac{45}{12}$$

$$\text{Vì } \frac{-7}{12} > -\frac{45}{12}$$

$$\text{nên } \frac{-7}{12} > -3,75$$

$$\text{Ta có: } \frac{0}{-3} = 0$$

Vì $0 < \frac{4}{5}$ nên $\frac{0}{-3} < \frac{4}{5}$

b)

Số hữu tỉ dương: $\frac{4}{5}$; 5,12

Số hữu tỉ âm: $\frac{-7}{12}$; -3; -3,75

Số $\frac{0}{-3}$ không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm.

3. Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số

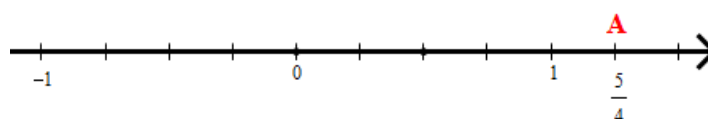
– Trên trục số, mỗi số hữu tỉ được biểu diễn bởi một điểm. Điểm biểu diễn số hữu tỉ x được gọi là điểm x .

– Với hai số hữu tỉ bất kì x, y , nếu $x < y$ thì trên trục số nằm ngang, điểm x ở bên trái điểm y .

Ví dụ:

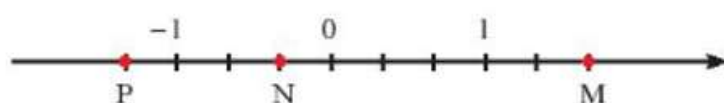
+ Để biểu diễn số hữu tỉ $\frac{5}{4}$ ta làm như sau:

- Chia đoạn thẳng đơn vị thành bốn phần bằng nhau, ta được đoạn thẳng mới bằng $\frac{1}{4}$ đơn vị cũ.
- Số hữu tỉ $\frac{5}{4}$ được biểu diễn bởi điểm A nằm bên phải điểm 0 và cách điểm 0 một đoạn bằng 5 đơn vị mới như trong hình dưới.



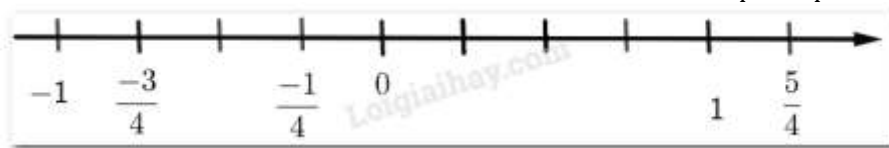
Thực hành 3 trang 8 Toán lớp 7 Tập 1:

a) Các điểm M, N, P trong Hình 6 biểu diễn các số hữu tỉ nào?



Hình 6

b) Biểu diễn các số hữu tỉ sau trên trục số: $-0,75$; $\frac{1}{-4}$; $1\frac{1}{4}$.



4. Số đối của một số hữu tỉ

– Hai số hữu tỉ có điểm biểu diễn trên trục số cách đều và nằm về hai phía điểm gốc O là *hai số đối nhau*, số này gọi là *số đối* của số kia.

– Số đối của số hữu tỉ x kí hiệu là $-x$.

Ví dụ:

$\frac{-4}{3}$ là số đối của $\frac{4}{3}$; $\frac{4}{3}$ là số đối của $\frac{-4}{3}$

0,123 là số đối của $-0,123$; $-0,123$ là số đối của 0,123.

Số đối của $1\frac{1}{2}$ là $\frac{-3}{2}$ và ta viết là $-1\frac{1}{2}$.

Chú ý:

– Mọi số hữu tỉ đều có một số đối.

– Số đối của số 0 là số 0.

– Với hai số hữu tỉ âm, số nào có số đối lớn hơn thì số đó nhỏ hơn.

Ví dụ: Tìm số đối của mỗi số sau: 7; $\frac{-5}{9}$; $-0,75$; 0; $1\frac{2}{3}$.

Hướng dẫn giải

Số đối của số 7 là số -7

Số đối của số $\frac{-5}{9}$ là số $\frac{5}{9}$

Số đối của số $-0,75$ là số 0,75

Số đối của số 0 là số 0.

Số đối của số $1\frac{2}{3}$ là số $\frac{-5}{3}$ ta viết là $-1\frac{2}{3}$

BTVN: Làm bài 1; 2; 3; 4; 5; 6 SGK trang 9; 10

Trường THCS Phan Công Hớn
Tổ Toán

Phần hình Tuần 1

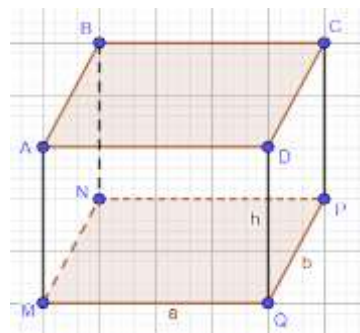
BÀI 1. HÌNH HỘP CHỮ NHẬT. HÌNH LẬP PHƯƠNG

1. Hình hộp chữ nhật

Hình hộp chữ nhật có 6 mặt là hình chữ nhật: 2 mặt đáy và 4 mặt bên

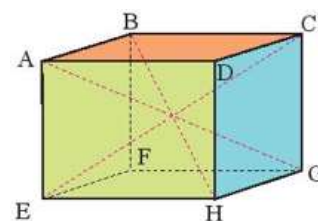
Hình hộp chữ nhật ABCD.MNPQ có:

- Tám đỉnh: A, B, C, D, M, N, P, Q.
- Mười hai cạnh: AB, BC, CD, DA, MN, NP, PQ, QM, AM, BN, CP, DQ
- Ba góc vuông ở mỗi đỉnh
- Bốn đường chéo: AP, BQ, CM, DN.



Thực hành 1 trang 48 Toán lớp 7 Tập 1: Quan sát hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH (Hình 4) và thực hiện các yêu cầu sau:

- Nêu các góc ở đỉnh F.
- Nêu các đường chéo được vẽ trong hình.
- Đường chéo chưa được vẽ là đường nào?



Hình 4

Lời giải:

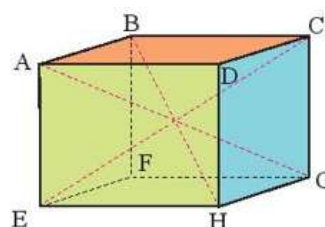
- Các góc ở đỉnh F là: $\widehat{BFE}$; $\widehat{BFG}$; $\widehat{EFG}$.
- Các đường chéo được vẽ trong hình là: AG, BH, CE.
- Đường chéo chưa được vẽ là: DF.

Thực hành 2 trang 48 Toán lớp 7 Tập 1: Cho hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH (Hình 4) có AD = 8 cm, DC = 5 cm, DH = 6,5 cm. Tính độ dài các cạnh AB, FG, AE.

Lời giải:

Ta có: ABCD.EFGH là hình hộp chữ nhật. Khi đó,

+ ABCD là hình chữ nhật nên AB = DC = 5 cm, BC = AD = 8 cm.



Hình 4

+ BCGF là hình chữ nhật nên $FG = BC = 8 \text{ cm}$.

+ AEHD là hình chữ nhật nên $AE = DH = 6,5 \text{ cm}$.

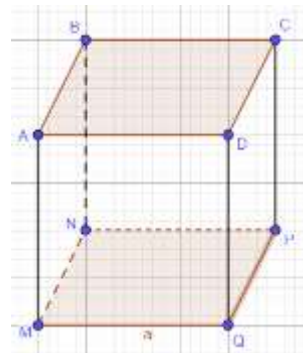
Vậy độ dài các cạnh $AB = 5 \text{ cm}$, $FG = 8 \text{ cm}$, $AE = 6,5 \text{ cm}$.

2. Hình lập phương

Hình lập phương có 6 mặt là hình vuông

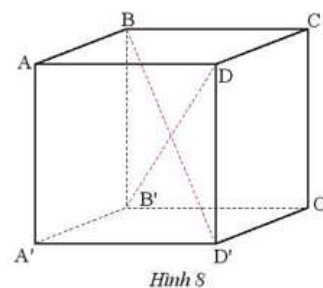
Hình lập phương ABCD.MNPQ có:

- Tám đỉnh: A, B, C, D, M, N, P, Q.
- Mười hai cạnh: AB, BC, CD, DA, MN, NP, PQ, QM, AM, BN, CP, DQ
- Ba góc vuông ở mỗi đỉnh
- Bốn đường chéo: AP, BQ, CM, DN.



Thực hành 3 trang 49 Toán lớp 7 Tập 1: Quan sát hình lập phương ABCD.A'B'C'D' có $AB = 5 \text{ cm}$ (Hình 8).

- Tìm độ dài các cạnh BC, CC'.
- Nêu các góc ở đỉnh C.
- Nêu các đường chéo chưa được vẽ.



Lời giải:

- Ta có: ABCD.A'B'C'D' là hình lập phương. Khi đó:

+ ABCD là hình vuông nên $BC = AB = 5 \text{ cm}$.

+ BCC'B' là hình vuông nên $BC = CC' = 5 \text{ cm}$.

Do đó, $BC = 5 \text{ cm}$; $CC' = 5 \text{ cm}$.

- Các góc ở đỉnh C là $\widehat{BCC'}$; $\widehat{BCD}$; $\widehat{C'CD}$

- Các đường chéo chưa được vẽ là: AC', CA'.

BTVN: Làm bài 1,2,3 trang 49,50 SGK

PHIẾU HỌC TẬP

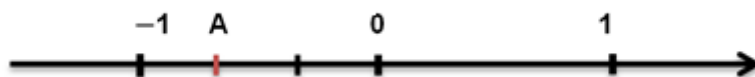
BÀI TẬP TUẦN 1

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Khẳng định nào trong các khẳng định sau là **đúng**?

- A. Số 0 không phải là số hữu tỉ;
- B. Số 0 là số hữu tỉ âm;
- C. Số 0 là số hữu tỉ dương;
- D. Số 0 là số hữu tỉ nhưng không phải là số hữu tỉ dương cũng không phải là số hữu tỉ âm.

Câu 2. Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số hữu tỉ nào?



- A. $-\frac{2}{3}$; B. $\frac{2}{3}$; C. $-\frac{1}{3}$; D. -1.

2. Bài tập tự luận

Bài 1. Điền kí hiệu $\in$ hoặc $\notin$ vào các ô trống:

- a) $2023 \square \mathbb{Q}$ b) $\frac{-2023}{2022} \square \mathbb{Z}$ c) $\frac{-4}{2} \square \mathbb{N}$ d) $1,23 \square \mathbb{Q}$.

Bài 2.

a) Trong các phân số sau, phân số nào biểu diễn số hữu tỉ $-\frac{2}{3}$?

$$-\frac{8}{12}; \frac{4}{-6}; \frac{-6}{9}; -\frac{22}{33}$$

b) Tìm số đối của mỗi số sau: $1,3$; $\frac{-5}{8}$; $-1\frac{1}{5}$; $\frac{2}{-7}$.

Hướng dẫn giải

a) Ta có:

$$\begin{aligned} -\frac{8}{12} &= \frac{8}{12} = \frac{8:4}{12:4} = \frac{2}{3} \neq -\frac{2}{3} \\ \frac{4}{-6} &= \frac{4:2}{-6:2} = \frac{2}{-3} = -\frac{2}{3} \\ \frac{-6}{9} &= \frac{-6:3}{9:3} = \frac{-2}{3} = -\frac{2}{3} \\ -\frac{22}{33} &= -\frac{22:11}{33:11} = -\frac{2}{3} \end{aligned}$$

Vậy các phân số biểu diễn số hữu tỉ $\frac{-2}{3}$ là:

b) Số đối của số 1,3 là $-1,3$;

Số đối của số $\frac{-5}{8}$ là

Số đối của số $-1\frac{1}{5}$ là

Số đối của số $\frac{2}{-7}$ là ...

Bài 3.

a) Các điểm A, B, C, D trong hình dưới biểu diễn số hữu tỉ nào?



b) Biểu diễn các số hữu tỉ $-1\frac{1}{2}$; $1,5$; $\frac{5}{-2}$; $-\frac{-7}{2}$ trên trục số.

Hướng dẫn giải (Nháp)

a)



Dựa vào trục số ta thấy:

Mỗi đoạn thẳng đơn vị (chẳng hạn từ 0 đến 1) được chia thành 7 phần bằng nhau, lấy một đoạn làm đơn vị mới

– Xét các điểm nằm bên trái điểm 0:

• Điểm A cách điểm 0 một đoạn bằng 9 đơn vị mới nên điểm A biểu diễn số $\frac{-9}{7}$.

• Điểm B cách điểm 0 một đoạn bằng 3 đơn vị mới nên điểm B biểu diễn số $\frac{-3}{7}$.

– Xét các điểm nằm bên phải điểm 0:

• Điểm C cách điểm 0 một đoạn bằng 2 đơn vị mới nên điểm C biểu diễn số $\frac{2}{7}$.

• Điểm D cách điểm 0 một đoạn bằng 6 đơn vị mới nên điểm D biểu diễn số $\frac{6}{7}$.

b) Biểu diễn các số hữu tỉ $-1\frac{1}{2}$; $1,5$; $\frac{5}{-2}$; $-\frac{-7}{2}$ trên trục số.

+) Biểu diễn số $-1\frac{1}{2}$:

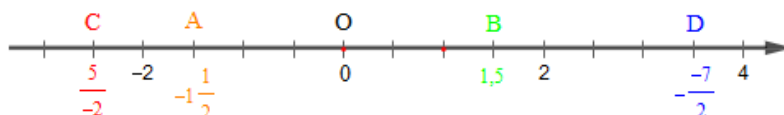
- Ta có: $-1\frac{1}{2} = \frac{-3}{2}$:
- Chia đoạn thẳng đơn vị (chẳng hạn đoạn từ điểm 0 tới điểm 1) thành 2 phần bằng nhau, ta được đoạn đơn vị mới bằng $\frac{1}{2}$ đơn vị cũ.

Số hữu tỉ $\frac{-3}{2}$ được biểu diễn bởi điểm A nằm bên trái điểm 0 và cách điểm 0 một đoạn bằng 3 đơn vị mới (Hình vẽ).

Các số khác làm tương tự

Lời giải:

- Các điểm A, B, C, D lần lượt biểu diễn các số ...; ...; ...; ...
- Ta có các điểm A, B, C, D biểu diễn các số $-1\frac{1}{2}$; 1,5; $\frac{5}{-2}$; $-\frac{7}{2}$ trên trục số như hình vẽ sau:



Bài 4.

- Trong các số hữu tỉ sau, số nào là số hữu tỉ dương, số nào là số hữu tỉ âm, số nào không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm?

$$\frac{-11}{9}; 1,125; -2\frac{1}{3}; 0; \frac{3}{7}.$$

- Hãy sắp xếp các số trên theo thứ tự tăng dần.

Hướng dẫn giải

- Các số hữu tỉ dương là:
 - Các số hữu tỉ âm là:.....
 - Số hữu tỉ không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm là:

b)

- So sánh các số hữu tỉ dương: 1,125; $\frac{3}{7}$

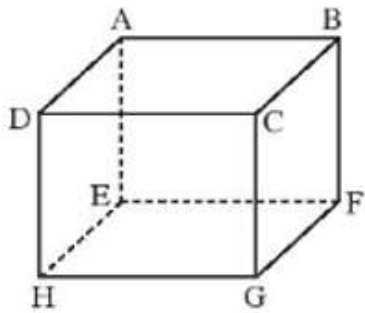
$$\text{Ta có: } 1,125 = \frac{9}{8}$$

$$\text{Vì } \frac{3}{7} < 1 \text{ và } \frac{9}{8} > 1$$

$$\text{Nên } \frac{3}{7} < \frac{9}{8}$$

- So sánh các số hữu tỉ âm: $\frac{-11}{9}$; $-2\frac{1}{3}$

$$\text{Ta có: } \frac{11}{9} = 1\frac{2}{9}$$



Hình 8

Mà $1 < 2$ nên $1\frac{2}{9} < 2\frac{1}{3}$

Do đó $-1\frac{2}{9} > -2\frac{1}{3}$

Hay $-\frac{11}{9} > -2\frac{1}{3}$

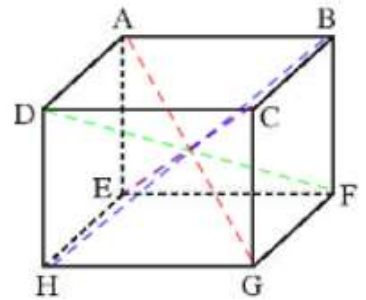
Vậy sắp xếp các số theo thứ tự tăng dần là: $-2\frac{1}{3}$; $-\frac{11}{9}$; 0 ; $\frac{3}{7}$; $\frac{9}{8}$

Bài 5. Cho hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH, biết cạnh $AB = 5$ cm, $BC = 4$ cm, $AE = 3$ cm.

a) Hãy cho biết độ dài các cạnh còn lại.

b) Nêu tên và vẽ các đường chéo.

c) Nêu các góc đỉnh F, C, D.



Lời giải:

a) Do ABCD.EFGH là hình hộp chữ nhật nên ABCD, AEHD, BCGF, ABFE, ACGH, EFGH là các hình chữ nhật.

$CD = HG = EF = AB = 5$ cm;

$AD = HE = GF = \dots = \dots$ cm;

$DH = \dots = \dots = \dots = \dots$ cm.

b) Các đường chéo của hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH là AG, DF, EC, BH (tự vẽ)

c) Các góc đỉnh F là: $\widehat{BFE}$, $\widehat{BFG}$, $\widehat{EFG}$.

Các góc đỉnh C là: $\widehat{BCD}$, $\widehat{BCF}$, $\widehat{ECF}$.

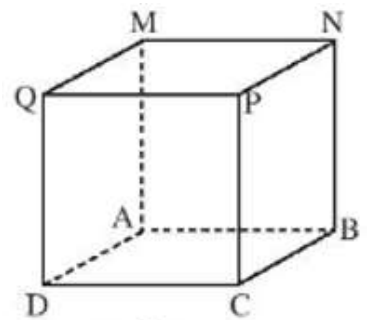
Các góc đỉnh D là: $\widehat{ADC}$, $\widehat{ADE}$, $\widehat{HDE}$.

Bài 6. Cho hình lập phương ABCD.MNPQ.

a) Cho biết $BC = 4$ cm, tính các cạnh còn lại.

b) Hãy nêu các mặt của hình lập phương.

c) Hãy vẽ các đường chéo xuất phát từ đỉnh P, Q.



Hình 9

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 7

TUẦN 1 (TỪ 05/09 ĐẾN 10/09)

PHIẾU TỰ HỌC

Period 1: Introduction

Period 2 + 3: Unit 1 – Lesson 1-1 + 1-2 (New words + Grammar)

New words (SGK trang 4)

1 – A 2 - D 3 - E 4 - B 5 - F 6 – C

Reading (SGK trang 4)

a. → 1. My Model Collection

b. 1. b 2. a 3. c 4. b

Grammar (SGK trang 5)

b. 1. play 4. Do... bake
2. likes 5. doesn't make
3. read 6. Does...watch

c. 1. I collect soccer stickers.
2. Does Jim bake cake on Tuesdays?
3. I play online games on the weekends.
4. Harry doesn't build models.
5. Does Jane read comics in the mornings?
6. They don't make vlogs.